

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2020/HS-ST
Ngày 27-08-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Bà Nguyễn Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh B xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2020/HSST ngày 10 tháng 08 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 08 năm 2020 đối với bị cáo:

Ong Văn Đ, sinh năm 1993 tại xã C, huyện Y, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện Y, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ong Văn Q và bà Đặng Thị Y; vợ, con: Chưa có; tiền án: 1. Bản án số 82/2015/HSST, ngày 28/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, (tài sản bị trộm cắp là 5.992.000 đồng (đ)), 2. Bản án số 08/2017/HSST, ngày 24/01/2017, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp là 3.140.000 đ), 3. Bản án số 92/2017/HSST, ngày 15/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp là 2.530.000 đ); tiền sự: Không; nhân thân: 1. Ngày 02/02/2012, Chủ tịch UBND xã C, huyện Y ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 2. Ngày 01/3/2012, Trưởng Công an thị trấn N (nay là thị trấn N), huyện Y ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 3. Ngày 05/3/2012, Chủ tịch UBND xã C, huyện Y ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 4. Ngày 28/3/2012, Chủ tịch UBND tỉnh B ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục T, huyện T, tỉnh V thời hạn 24 tháng; bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 35 phút, ngày 04/6/2020, tại khu vực cây xăng H thuộc tiểu khu A (nay là tổ dân phố số A), thị trấn N, huyện Y, Công an huyện Y phối hợp với Công an thị trấn N bắt quả tang Ong Văn Đ đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 02 (hai) ống nhựa có viên kê sọc màu trắng - hồng được hàn kín hai đầu, bên trong đựng tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 02 ống nhựa màu xanh được hàn kín hai đầu bên trong mỗi ống đều đựng nửa viên nén màu hồng đỏ nghi là ma túy (được niêm phong trong phong bì ký hiệu “QT”); 01 (một) tờ giấy bạc màu trắng. Ngày 04/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y ra quyết định trưng cầu giám định tới Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B để giám định chất tinh thể màu trắng và viên nén màu hồng đỏ tạm giữ của Đ trong quá trình bắt quả tang.

Tại bản Kết luận giám định số 710/KL-KTHS ngày 05/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

“Trong phong bì ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định:

- Chất tinh thể màu trắng (đựng trong 02 (hai) đoạn ống nhựa có sọc kẻ màu trắng, hồng được hàn kín hai đầu) đều là ma túy, có tổng khối lượng 0,314 gam, loại Methamphetamine.

- 02 (hai) nửa viên nén màu hồng đỏ (đựng trong 02 (hai) đoạn ống nhựa màu xanh được hàn kín hai đầu) đều là ma túy, có tổng khối lượng 0,106 gam, loại Methamphetamine”.

Tại Cơ quan điều tra Ong Văn Đ khai nhận: Do biết tại khu vực D, thuộc tổ dân phố số 5, thị trấn N có người tên T có ma túy bán, nên khoảng 09 giờ ngày 04/6/2020, Đ nảy sinh ý định đi mua ma túy về để sử dụng. Đ đi taxi một mình từ nhà đến khu vực D vào một nhà dân ở rìa đường thấy cổng mở, Đ đi vào trong sân thấy cửa xếp đóng, Đ gọi qua cửa xếp “Chú T ơi bán cho cháu bốn, một” nghĩa là 400.000 đ ma túy “đá” và 100.000 đ ma túy “ngựa”. Sau đó bên trong có một người đàn ông nói vọng ra “tiền đâu”, Đ cầm tờ tiền mệnh giá 500.000 đ đưa qua khe cửa vào bên trong, đợi một lúc thì thấy từ khe cửa đưa ra 04 đoạn ống nhựa đựng ma túy tổng hợp, trong đó 02 đoạn ống nhựa đựng tinh thể màu trắng, 02 đoạn ống nhựa đựng 02 nửa viên nén màu hồng. Đ cất giấu 04 đoạn ống nhựa vào trong túi quần bên phải sau đó đi nhờ xe của một người không quen biết đến khu vực cây xăng H, thuộc tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện Y xuống xe để về nhà thì bị Công an kiểm tra bắt quả tang.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đ, do Đ không biết tên, tuổi, địa chỉ, mà chỉ biết mua ma túy tại nhà dân ở khu vực D, thuộc tổ dân phố số 5, thị trấn N. Cơ quan điều tra đã tiến hành đưa Đ xác định vị trí của nhà dân Đ mua ma túy, tuy nhiên Đ không xác định được vị trí cụ thể, nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Vật chứng của vụ án chưa xử lý là: 01 phong bì thư được niêm phong lại bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên - đại diện cơ quan trung cầu giám định; 01 tờ giấy bạc màu trắng.

Tại bản cáo trạng số 42/KSĐT ngày 10/08/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo Ong Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Sau khi kết thúc việc xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã trình bày luận tội đối với bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Ong Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm o khoản 2, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ong Văn Đ từ **05** năm đến **05** năm **06** tháng tù.

Phạt bổ sung bằng tiền từ 5.000.000 đ đến 10.000.000 đ.

Ngoài ra, còn đề cập đường lối xử lý về vật chứng và tiền án phí.

Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người đúng tội, bị cáo không bị oan và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Có đủ cơ sở kết luận: Ong Văn Đ là đối tượng đã tái phạm, chưa được xóa án tích. Hồi 09 giờ 35 phút, ngày 04/6/2020, tại khu vực cây xăng H thuộc tiểu khu A (nay là tổ dân phố số A), thị trấn N, huyện Y, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y bắt quả tang Ong Văn Đ có hành vi tàng trữ trái phép 0,420 gam ma túy Methamphetamine mục đích để sử dụng.

Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Ong Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, song xét thấy bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn không áp dụng.

[7] Về xử lý vật chứng: Số ma túy bọc trong 01 phòng bì thư có ký hiệu “QT” được hoàn lại sau giám định không còn giá trị sử dụng và 01 tờ giấy bạc màu trắng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ông Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ông Văn Đ **05** năm **03** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2020.

2. Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy được hoàn lại sau giám định bọc trong 01 phòng bì thư có ký hiệu “QT” được niêm phong bằng dấu mực đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh B, chữ ký của giám định viên; mặt sau có chữ ký giáp lai của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn mực đỏ của Công an thị trấn N và 01 tờ giấy bạc màu trắng.

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.)

3. Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Ông Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện Y;
- Chi Cục THADS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

